



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 41 (09/10-13/10/23)

*Canh mua tăng tỷ trọng cổ phiếu trong
vùng tích lũy trên 1,107 điểm*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh mua tăng tỷ trọng cổ phiếu trong vùng tích lũy trên 1,107 điểm*
2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV hút ròng qua OMOs*
3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index phản ứng tích cực với SMA200 tại 1,107 điểm*
4. TIN VĨ MÔ: *Tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 09/2023 đạt +6.92%*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông +19.25%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Canh mua tăng tỷ trọng cổ phiếu trong vùng tích lũy trên 1,107 điểm*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1128.54	-2.22%
GTGD/phiên (tỷ VND)	13,400.21	-19.85%
Khối ngoại (tỷ VND)	-388.81	
HNX-INDEX	230.45	-2.50%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1650.76	-13.93%
Khối ngoại (tỷ VND)	-79.26	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4308.50	1.18%	0.48%	-3.34%
EU (EURO STOXX)	4144.43	1.09%	-0.72%	-2.19%
China (SHCOMP)	3110.48	0.10%	0.84%	-0.30%
Japan (NIKKEI)	30994.67	-0.26%	-2.71%	-6.05%
Korea (KOSPI)	2408.73	0.21%	-3.49%	-6.80%
Singapore (STI)	3174.39	0.61%	-1.34%	-1.04%
Thailand (SET)	1438.45	-0.97%	-2.24%	-7.03%
Phillipines (PCOMP)	6259.95	1.32%	-0.97%	0.59%
Malaysia (KLCI)	1416.88	0.09%	-0.51%	-2.96%
Indonesia (JCI)	6888.52	0.20%	-0.74%	-0.95%
Vietnam (VNIndex)	1128.54	1.32%	-2.22%	-9.10%

TTCK VIỆT NAM

Thị trường nhanh chóng tích lũy lại sau phiên bán tháo đầu tuần

VN-Index ghi nhận tuần giảm thứ 4 liên tiếp với mức giảm 2.2% khi đón nhận các thông tin kém khả quan từ trong nước và quốc tế. Độ rộng giảm điểm vẫn chi phối với 63% cổ phiếu và 13/19 ngành giảm điểm. Ngành tiện ích, bán lẻ và dầu khí có mức giảm trên 5% trong khi Hóa chất và truyền thông có mức tăng trên 1%. Thị trường dần phân hóa và khối ngoại tiếp tục mua ròng 17 triệu USD đang là điểm sáng tuần qua. Nhiều cổ phiếu dự báo có lợi nhuận tăng đã có vận động giá tích cực, đi ngược với diễn biến chung. KQKD quý III sẽ công bố trong tuần tới và kéo dài đến hết tháng 10 sẽ giúp thị trường cân bằng hơn. VN-Index đang có cơ hội tích lũy trên 1,107 điểm và NĐT có thể cân nhắc mua tăng tỷ trọng ở những phiên rung lắc tuần tới.

Trên cơ sở 9 tháng, dự báo tình hình thế giới và trong nước, Bộ KH-ĐT đưa ra 3 kịch bản tăng trưởng 2023: (1) Quý IV tăng 7%, GDP cả năm 5%; (2) Quý IV tăng 8.8%, GDP cả năm 5.5%; (3) Quý IV tăng 10.6%, GDP cả năm 6%. Quý IV phụ thuộc vào tốc hồi phục sản xuất công nghiệp, sự gia tăng nhu cầu thị trường xuất khẩu lớn, du lịch và tiêu dùng cuối năm. Mục tiêu tăng trưởng rất khó khăn và thách thức. Bộ KH-ĐT lưu ý hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy động lực tăng trưởng. WB điều chỉnh dự báo tăng trưởng năm 2023 còn 4.7% và 5.4% năm 2024 trong khi các tổ chức và chuyên gia trong nước cũng điều chỉnh dự báo mức tăng trưởng GDP năm 2023 nằm trong khoảng từ 5-5.5%.

TTCK THẾ GIỚI

Nguy cơ FED tăng lãi suất và lợi tức trái phiếu tăng mạnh tiếp tục nhấn chìm TTCK

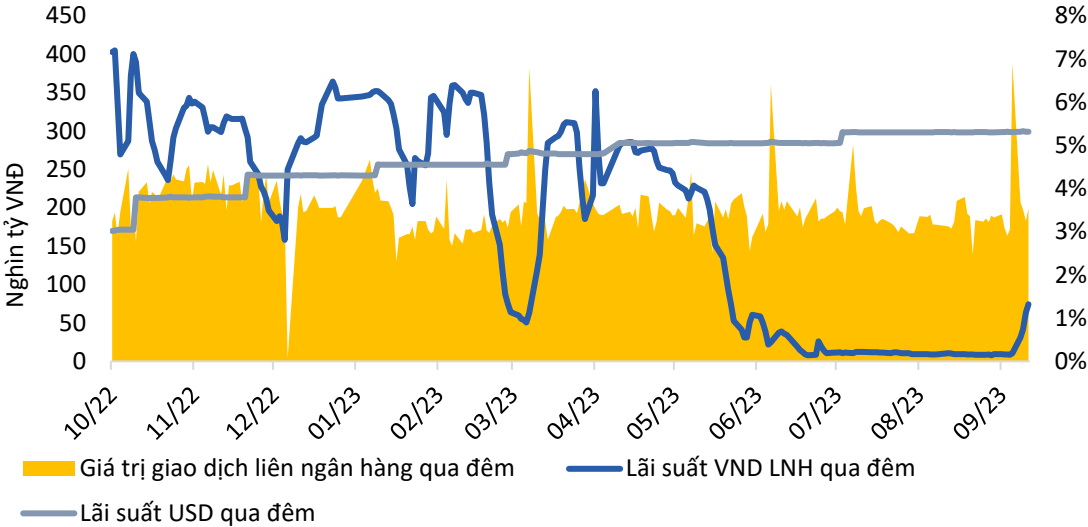
Lo ngại FED tăng lãi suất và duy trì ở mức cao, làn sóng báo tháo trái phiếu đẩy mức lợi suất Trái phiếu lên đỉnh. Lợi suất TP Hoa Kỳ kỳ hạn 30 chạm mức 5% lần đầu kể từ 2007. TTCK Hoa Kỳ có thêm tuần giảm với mức bình quân 0.7%. Diễn biến TTCK Châu Âu và Nhật Bản còn tiêu cực hơn khi EU600 giảm 1.6% và Nikkei 225 giảm 2.7%. Chỉ số DXY kéo dài chuỗi tuần tăng điểm với mức tăng 0.1% và đóng cửa ở 106.3 điểm. Biến động của thị trường trái phiếu, tiền tệ cũng tạo hiệu ứng tiêu cực lên thị trường hàng hóa. Chỉ số hàng hóa giảm mạnh 4.2%, dẫn đầu là mức giảm của giá dầu (-9.1%), than (-12.3%) và các kim loại như vàng (-1.4%), bạc (-5.2%), chì (-5.3%) và Kẽm (-6.7%). Tuần tới, biên bản FOMC và lạm phát Hoa Kỳ sẽ có tác động mạnh đến diễn biến của các thị trường. Hội nghị Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) dự báo thế giới tăng trưởng 2.4% năm 2023 và ít có dấu hiệu hồi phục năm 2024. Chỉ có Brazil, Trung Quốc, Nhật Bản, Mexico và Nga trong G20 cải thiện về tăng trưởng trong năm 2023. Cùng chung quan điểm, Citigroup cho rằng kinh tế Trung Quốc lập đáy và dự báo tăng trưởng 5% năm 2023. Sản xuất hồi phục, chi tiêu dùng trong kỳ nghỉ Lễ và bớt lo ngại về cuộc khủng hoảng BĐS khiến triển vọng Trung Quốc sáng sủa hơn. Ngược lại, Châu Âu đang có dấu hiệu đình trệ và suy yếu đi và triển vọng Châu Á dự báo tăng trưởng chậm nhất trong 50 năm chỉ ở mức 4.5% năm 2024 theo WB. Kinh tế thế giới hiện đang ở ngã ba đường với xu hướng tăng trưởng khác nhau, bất bình đẳng gia tăng, thị trường thu hẹp và nợ công chồng chất như nhận định của UNCTAD.

Chú thích: * tỷ VND
^ hợp đồng

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị ròng
Tuần 38	9/18/2023	9/22/2023	20,000	0	-20,000
Tuần 39	9/25/2023	9/29/2023	73,800	0	-73,800
Tuần 40	10/2/2023	10/6/2023	46,900	0	-46,900

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.94%	1.13%	1.42%	1.52%	3.35%	4.61%	7.13%
So với tuần trước	0.77%	0.76%	0.86%	0.25%	-0.13%	-0.68%	0.11%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	196,801	6,350	3,884	3,936	1,633	128	81
So với tuần trước	-9.63%	-63.00%	-60.51%	-1.46%	-32.00%	-57.61%	186.35%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 05/10/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 40, SBV đã hút ròng 46.9 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng nhẹ so với tuần trước với thanh khoản giảm.

PTKT VN-INDEX: VN-Index phản ứng tích cực với SMA200 tại 1,107 điểm

Đồ thị ngày: Sau 1 bán tháo tạo gap giảm giá đầu tuần, VN-Index đã tích lũy lại khi chạm SMA200 và cũng là ngưỡng thoát lui 32.8% của Fibonacci chu kỳ tăng điểm trung hạn kể từ tháng 11/2022. Chỉ số vẫn đang trong vùng biến động mạnh với các cây nến thân rộng nhưng áp lực giảm bớt dần với những phiên tăng giảm xen kẽ. Các chỉ báo kỹ thuật cũng hồi phục từ vùng quá bán.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI bật lên từ vùng bán quá và vẫn giữ ở mức 37 điểm.
- MACD nằm dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm 18.4% so tuần trước và ghi nhận mức giảm tuần thứ 3 liên tiếp.
- VN-Index giảm dưới các đường trung bình động SMA 20 và 100 và giữ trên SMA200 đồ thị ngày.

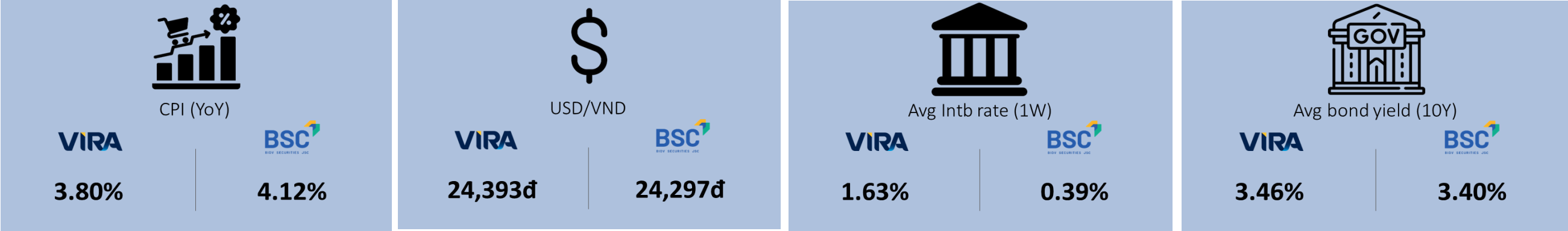
Kết luận: VN-Index đang hình thành vùng tích lũy tạm thời trên SMA200 tại 1,107 điểm. Chỉ số bật lại khi các chỉ báo kỹ thuật đi vào vùng quá bán. Dải bollinger band vẫn đang mở rộng cho thấy khả năng thị trường vẫn sẽ còn những phiên biến động mạnh trong quá trình lập đáy ngắn hạn. Mặc dù áp lực giảm điểm vẫn còn, VN-Index đang có nhiều cơ hội kết thúc giảm và vận động tích lũy trong vùng 1,107 – 1,170 điểm cùng với sự phân hóa mạnh trong mùa công bố KQKD quý III trước khi xác lập một xu hướng rõ ràng.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 09/2023 đạt +6.92%

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU VĨ MÔ THÁNG 10/2023:



VIỆT NAM:

- Chính phủ: Ban hành quyết định 25/2023/QĐ-TTg v/v giảm tiền thuê đất 2023 theo đó giảm 30% tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 đối với người thuê đất quy định nêu trên; không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2023 và tiền chậm nộp (nếu có).
- NHNN: Đến ngày 29/9/2023, tín dụng toàn nền kinh tế đạt khoảng 12.749 triệu tỷ đồng - tăng 6.92%, trước đó tại ngày 21/09/2023 tăng trưởng tín dụng đạt 5.91%. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn còn thấp hơn đáng kể svck các năm.
- VSD: Theo số liệu từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tổng số tài khoản chứng khoán trên thị trường tính tới cuối T09/23 đạt trên 7.8 triệu tài khoản, tăng gần 173 ngàn tài khoản so với đầu tháng. Tổng số tài khoản mở mới giảm 8% so với tháng trước.
- NHNN: tính đến 30/9 huy động vốn tăng khoảng 5.9% so với cuối năm 2022, tín dụng ước tăng khoảng 6.1% - 6.2% so với cuối năm 2022. Đưa vào kế hoạch thanh tra năm 2023 nội dung thanh tra về chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của các tổ chức tín dụng
- S&P Global: Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 49.7 trong tháng 9, giảm trở lại xuống dưới mốc 50 điểm sau khi đạt trên 50.5 điểm trong tháng 8.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Số lượng cơ hội việc làm (JOLTS) đã tăng 690,000 so với tháng trước lên 9.61 triệu vào T08/23 - cao hơn nhiều so với dự báo là 8.8 triệu và cho thấy thị trường lao động mạnh mẽ bất chấp các biện pháp thắt chặt CSTT chưa từng có của Fed.
- Hoa Kỳ: Thống đốc Fed Bowman cho rằng có thể tăng lãi suất hơn nữa và duy trì trong một khoảng thời gian.
- Hoa Kỳ: Chỉ số PMI Dịch vụ ISM giảm xuống 53.6 vào T9/2023 từ mức cao nhất trong 6T là 54.5 của T08 - phù hợp với kỳ vọng của thị trường.
- Trung Quốc: Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tăng lên mức 50.2 điểm trong T09 từ mức 49.7 điểm trong T08 - số liệu được Tổng cục Thống kê Trung Quốc (NBS) công bố hôm thứ Bảy.
- EU: Ủy ban châu Âu (EC) điều chỉnh tăng trưởng kinh tế EU giảm xuống 0.8% vào năm 2023, so với mức 1% được công bố trong dự báo mùa Xuân. Tăng trưởng ở Khu vực sử dụng đồng tiền chung euro (Eurozone) năm 2023 cũng được điều chỉnh giảm từ 1.1% xuống 0.8%.
- Eurozone: Tỷ lệ thất nghiệp đạt 6.4% tiếp tục ở mức ổn định và đúng như kỳ vọng.
- Thái Lan: Thủ tướng Thái Lan thông báo, chính phủ sẽ bơm 560 tỷ baht (15.23 tỷ USD) vào nền kinh tế trong năm tới, thông qua chính sách ví điện tử.

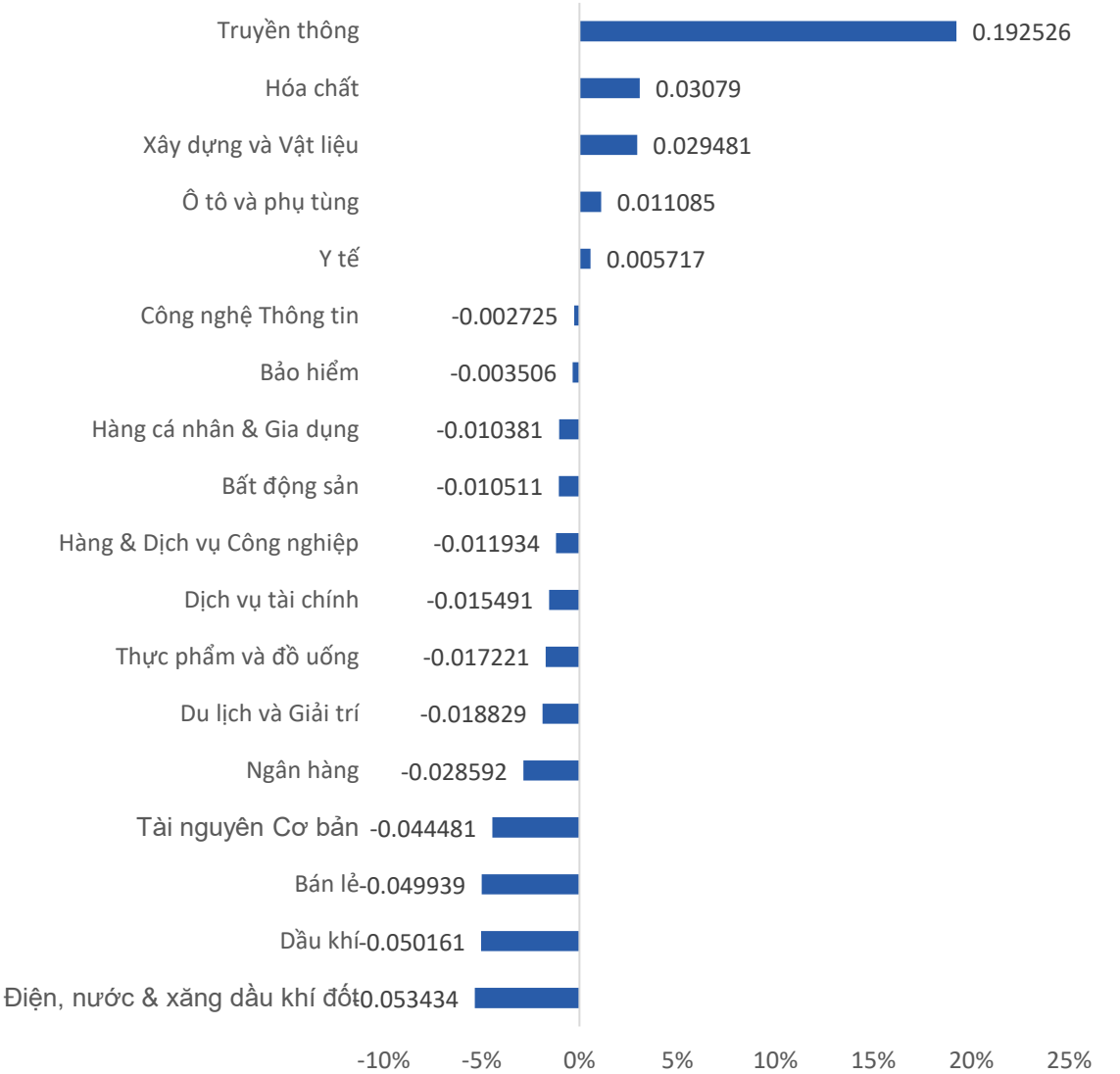
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Công bố KQKD quý III của các công ty niêm yết;
- Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV khai mạc 23/10 và bế mạc 29/11. Quốc hội xem xét và thông qua 9 dự án luật và 2 dự thảo nghị quyết, trong đó có một số nội dung chú ý gồm Luật đất đai sửa đổi, Luật kinh doanh BĐS sửa đổi, Luật nhà ở sửa đổi và Luật tổ chức tín dụng sửa đổi cũng như lấy phiếu tín nhiệm 44 chức danh do QH bầu.
- 9/10, Khai mạc cuộc họp IMF diễn ra trong 7 ngày. 10/10, Khoản nợ mới và cung tiền M2 của Trung Quốc; Tài khoản vãng lai Nhật Bản. 11/10, Chỉ số PPI Hoa Kỳ; Thành viên FOMC phát biểu. 12/10, Biên bản FOMC; Chỉ số sản xuất công nghiệp, cán cân thương mại và GDP tháng Anh; CPI, tỷ lệ thất nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ . 13/10, CPI và cán cân thương mại Trung Quốc; Chỉ số sản xuất công nghiệp EU. 15/10, bế mạc cuộc họp IMF.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Truyền thông	6.11%	19.25%	4.85%	YEG	28.03%	
Hóa chất	1.41%	3.08%	-2.17%	DRC	0.00%	DGC 1.60%
Xây dựng và Vật liệu	1.83%	2.95%	-4.76%	CTD	7.74%	HT1 1.83%
Ô tô và phụ tùng	1.59%	1.11%	-1.99%	VEA	-1.07%	0 0.00%
Y tế	0.37%	0.57%	-2.13%	DBD	3.78%	PME 0.38%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	82.79	0.58%	-8.81%	-4.61%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	84.58	0.61%	-8.26%	-5.88%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	219.22	0.15%	-8.64%	-13.52%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,833.01	0.70%	-0.84%	-4.36%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	21.60	3.00%	-2.60%	-6.76%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,266.00	-1.15%	-0.71%	-8.01%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	568.25	-1.73%	4.94%	-6.69%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.36	0.46%	1.11%	-7.22%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	231.00	0.57%	-1.83%	-0.86%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	26.74	2.22%	0.98%	1.02%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	146.05	0.45%	-0.07%	-5.04%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,046.00	1.86%	-2.71%	-3.89%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,623.00	0.14%	-2.21%	-1.50%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,239.50	0.34%	-4.58%	2.10%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	CNY/MT	930.50	0.76%	-1.38%	7.20%	HPG	HPG
Than đá	USD/MT	141.60	1.98%	-11.47%	-14.44%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	529.60	0.85%	-0.94%	0.02%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VRE	0.05%	0.80
GVR	0.04%	0.72
VHM	0.01%	0.61
VGC	0.10%	0.53
SSI	0.04%	0.44
DCM	0.07%	0.33
FRT	0.10%	0.30
VCG	0.06%	0.18
DGC	0.02%	0.15
STB	0.01%	0.14
Tổng		4.20

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
GAS	-0.07%	-3.18
VCB	-0.02%	-3.00
BID	-0.05%	-2.79
HPG	-0.05%	-2.01
CTG	-0.04%	-1.66
MWG	-0.08%	-1.61
TCB	-0.05%	-1.44
MSN	-0.05%	-1.32
VPB	-0.03%	-1.29
VIC	-0.02%	-0.88
Tổng		-19.18

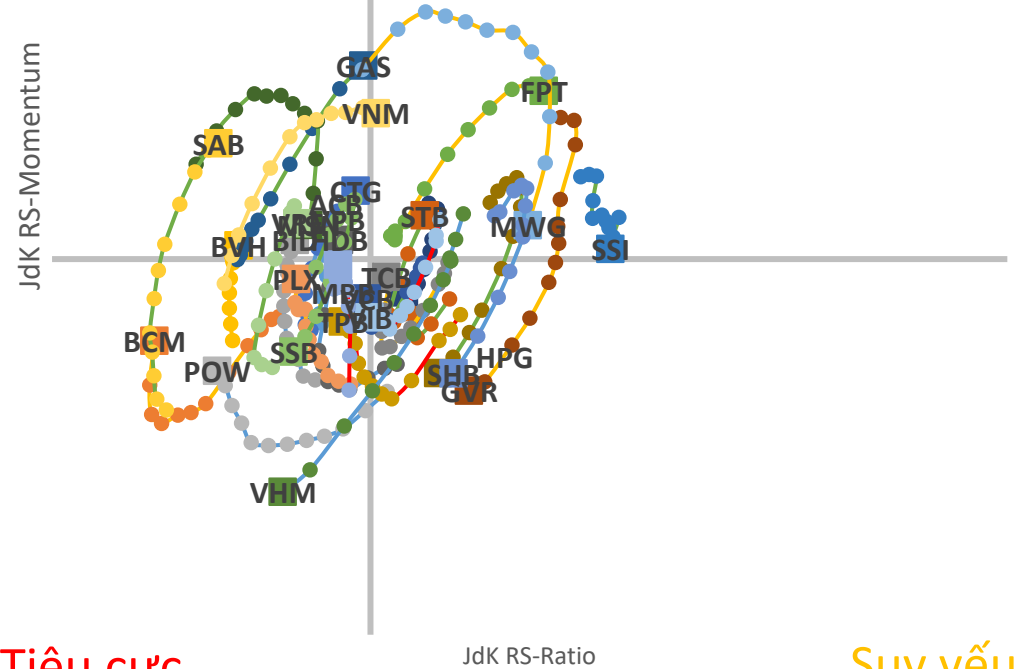
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
SSI	131.37	
BSR	123.05	
VRE	110.01	
DGC	97.11	
VIX	71.10	
VNM	57.92	
VND	47.38	
DXG	37.72	
GEX	34.36	
IDC	33.22	
Tổng		743.23

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MSN	-183.48	
CTG	-123.26	
VCI	-86.26	
FUEVFN	-83.61	
VPB	-81.79	
PSI	-77.57	
POW	-64.89	
VIC	-53.44	
MWG	-51.15	
VHM	-47.94	
Tổng		-853.40

Vận động cổ phiếu VN30			
FPT	110.8995	104.477	24.55%
MWG	109.8958	100.8933	-0.69%
SSI	115.086	100.2624	17.89%
STB	103.4323	101.1554	3.86%
VIC	100.8025	101.7109	-11.63%
VNM	100.3608	103.8799	5.60%
ACB	97.81142	100.2769	-0.91%
BID	95.26591	100.5064	-8.76%
BVH	91.72224	100.3602	-10.47%
CTG	99.09254	101.8186	-3.20%
GAS	99.57147	105.1506	6.07%
HDB	98.03635	100.5037	0.59%
MSN	96.11747	100.9036	-8.55%
SAB	90.46378	103.0742	-9.14%
VJC	94.12844	102.2612	3.30%
VRE	95.4366	100.9507	-2.31%
GVR	106.2025	96.49111	-6.05%
HPG	104.2756	96.96015	-7.59%
MBB	102.1168	99.10612	-0.61%
SHB	105.2348	96.95312	-12.01%
TCB	101.0109	99.52029	1.26%
BCM	86.4451	97.81832	-13.45%
PLX	95.35259	99.4678	-10.28%
POW	90.37338	97.01499	-15.47%
SSB	95.19645	97.53252	-16.38%
TPB	98.27697	98.32813	-10.64%
VCB	99.78831	98.94193	-3.95%
VHM	94.50212	93.79719	-16.42%
VIB	99.9578	98.44388	-8.78%
VPB	97.98638	99.85161	6.62%

Hồi phục

Tích cực



Tiêu cực

Suy yếu

Nguồn: Bloomberg

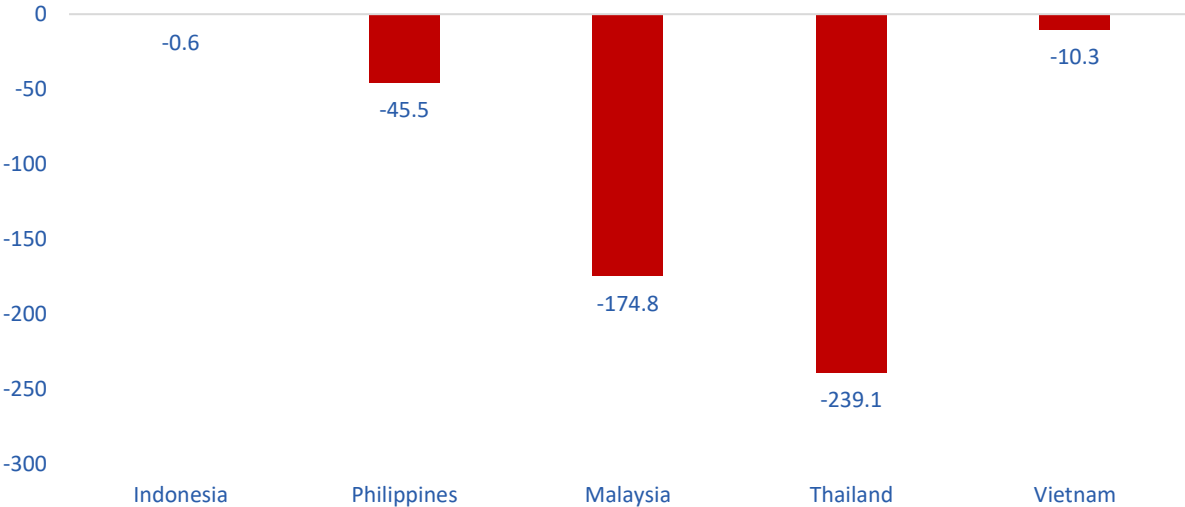
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(470.3)	(470.3)	(470.3)	(6,742.8)
Indonesia	-0.6	-0.6	-0.6	-310.3
Philippines	-45.5	-45.5	-45.5	-774.6
Malaysia	-174.8	-174.8	-174.8	-616.3
Thailand	-239.1	-239.1	-239.1	-4765.7
Vietnam	-10.3	-10.3	-10.3	-275.9
Các nước khác	(2,887.8)	(2,887.8)	(2,887.8)	16,009.4
Hàn Quốc	-750.9	-750.9	-750.9	5557.6
Đài Loan	-1520.7	-1520.7	-1520.7	-3700.8
Ấn Độ	-616.3	-616.3	-616.3	14142.4
Sri Lanka	0.10	0.10	0.10	10.20

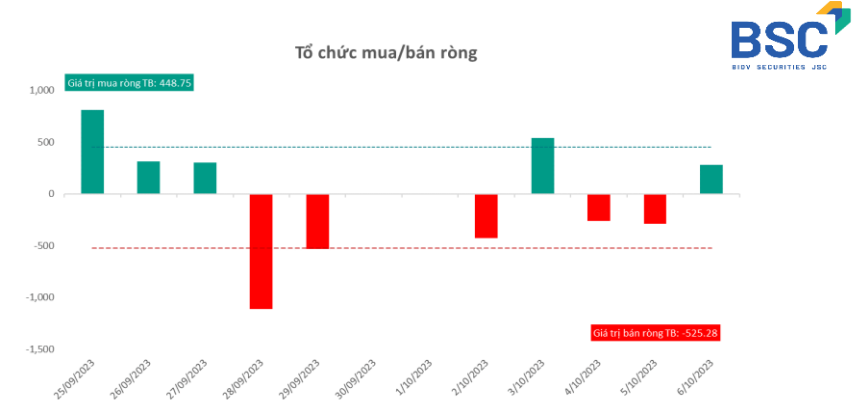
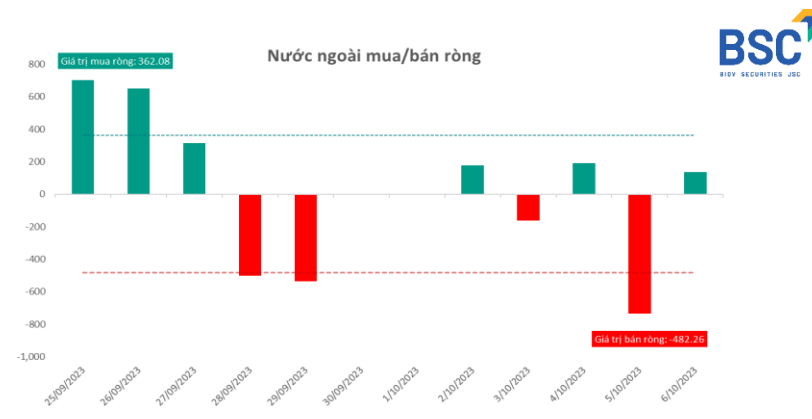
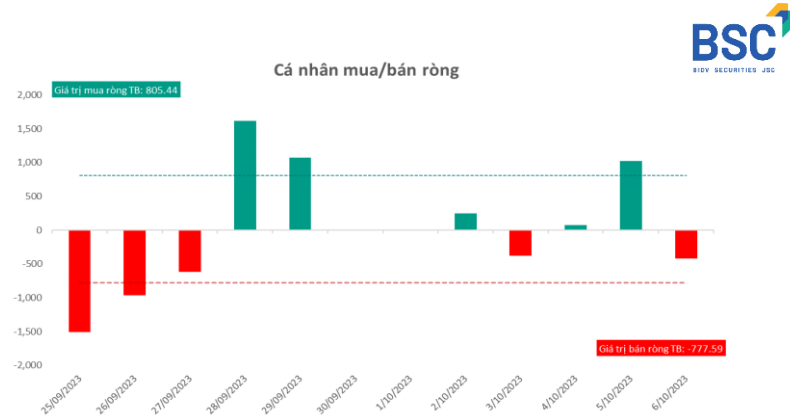


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Jul-23				Aug-23				Sep-23				Oct-23			Tổng
	W26	W27	W28	W29	W30	W31	W32	W33	W34	W35	W36	W37	W38	W39	W40	
	(7.95)	(19.42)	(8.05)	7.57	0.45	4.06	(21.22)	(53.18)	(65.83)	(16.69)	(46.12)	(37.42)	(12.71)	(9.78)	(0.19)	(9.17)
ETF ngoại	1.82	(17.69)	(4.78)	7.01	2.29	(4.23)	(8.35)	(14.20)	(39.63)	(10.69)	(27.52)	(8.83)	(10.06)	(9.37)	2.11	124.45
Fubon	(0.20)	(0.79)	(2.43)	(1.25)	(2.74)	(6.51)	(8.35)	(14.20)	(13.81)	(10.69)	(20.74)	(8.83)	0.65	5.01	8.96	(5.01)
VNM	2.02	0.00	6.90	2.81	5.03	1.49	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(2.66)	0.00	88.56
FTSE	0.00	0.00	1.37	0.00	0.00	(6.16)	0.00	0.00	(1.80)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.82	57.24
iShare	0.00	(16.90)	(10.62)	5.45	0.00	6.94	0.00	0.00	(24.02)	0.00	(6.78)	0.00	(10.71)	(11.72)	(7.67)	(16.34)
ETF nội	(9.77)	(1.73)	(3.27)	0.56	(1.84)	8.29	(12.87)	(38.98)	(26.20)	(6.00)	(18.60)	(28.59)	(2.65)	(0.41)	(2.30)	(133.62)
Diamond	(1.43)	(0.10)	(1.97)	(0.98)	(0.55)	3.31	(3.73)	(15.28)	(16.32)	(4.17)	(13.76)	(18.64)	(2.00)	1.20	(1.78)	(72.45)
E1	(7.35)	(1.63)	(1.08)	1.54	0.43	5.77	(8.98)	(23.47)	(8.32)	(0.78)	(1.79)	(5.65)	(0.17)	5.68	-	(40.64)
Finlead	(0.99)	-	(0.22)	-	(1.72)	(0.79)	(0.16)	(0.23)	(1.56)	(1.05)	(3.04)	(4.30)	(0.48)	(7.29)	(0.52)	(20.53)

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFN30	3,591,700	92.92	EIB	7,105,600	-138.46	SSI	4,134,427	131.37	MSN	2,524,812	-183.48	MSN	3,009,612	221.31	SSI	5,236,470	-164.66
BCM	992,600	64.20	VIX	7,287,107	-117.08	VRE	4,091,360	110.01	CTG	4,265,711	-123.26	VPB	6,852,868	145.91	VRE	4,689,460	-126.12
STB	1,503,176	46.05	MBB	3,599,325	-65.74	DGC	1,029,960	97.11	VCI	2,147,775	-86.26	VCI	2,462,275	98.40	HCM	3,038,700	-82.29
SSI	665,391	20.82	FPT	680,901	-68.21	VIX	4,801,943	71.10	FUEVFN30	3,224,800	-83.61	FPT	964,985	89.17	DGC	774,360	-72.24
MSB	1,176,497	16.24	VPB	1,626,934	-34.27	VNM	773,980	57.92	VPB	3,832,434	-81.79	MWG	1,589,621	78.57	VND	2,313,698	-46.45
FUESSVFL	802,000	14.48	VIC	709,106	-33.23	VND	2,355,998	47.38	POW	5,787,167	-64.89	VIC	1,625,209	75.48	PDR	1,906,430	-44.86
E1VFN30	694,800	13.94	GEX	1,542,900	-30.28	DXG	1,991,723	37.72	VIC	1,163,516	-53.44	POW	6,301,552	70.73	GVR	1,757,300	-34.80
VRE	460,800	12.65	VHM	649,004	-29.31	GEX	1,747,162	34.36	MWG	1,045,821	-51.15	VCB	806,243	69.39	PTB	560,577	-33.42
DIG	445,900	10.48	LPB	2,097,100	-28.61	FTS	793,100	32.91	VHM	1,071,228	-47.94	PLX	1,919,733	66.79	FRT	362,281	-33.35
FRT	113,000	10.13	MSN	347,500	-27.27	HSG	1,703,005	31.56	PVD	1,827,880	-46.25	LPB	3,939,654	53.64	DIG	1,482,935	-33.30

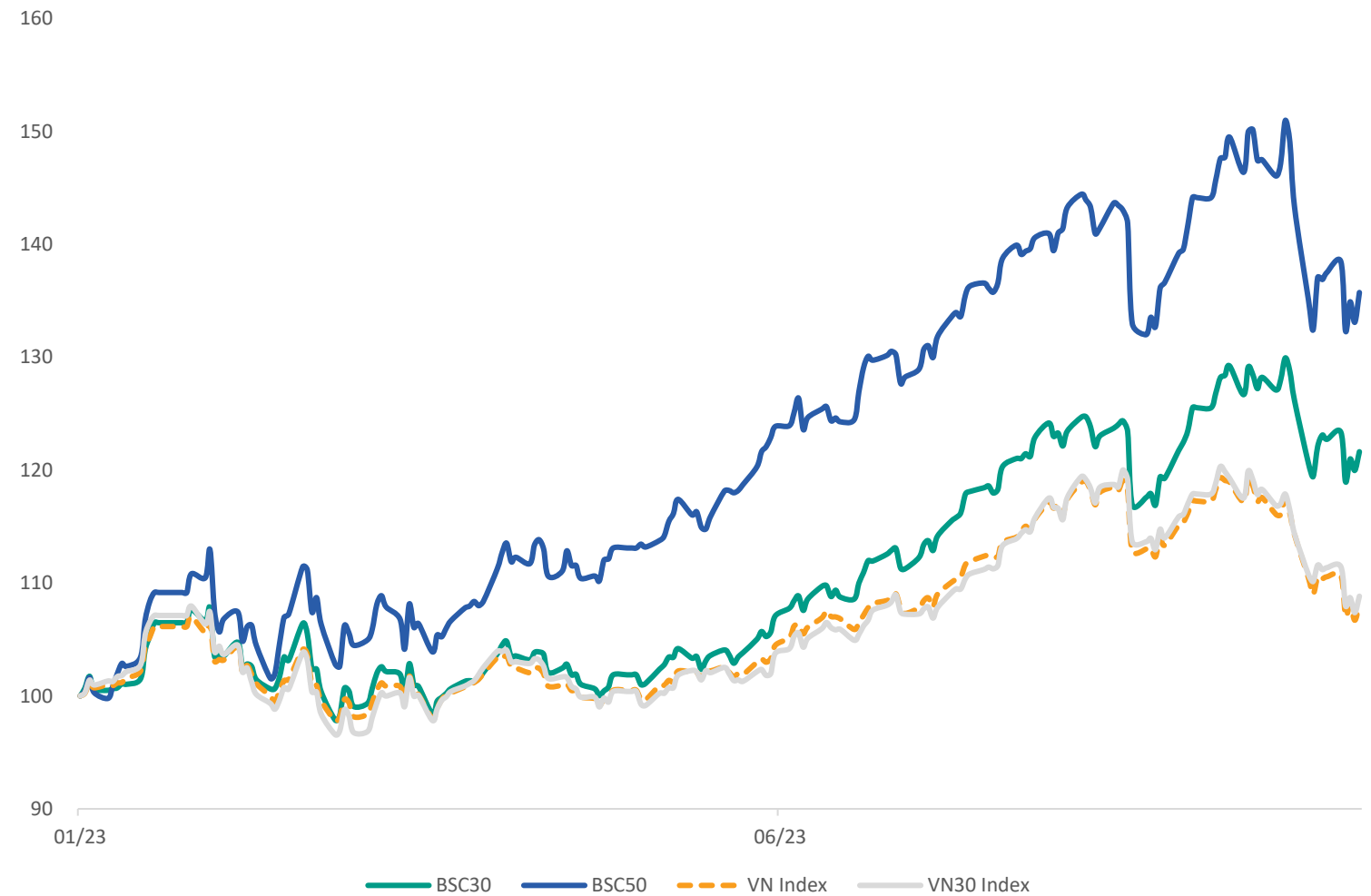
HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

- **BSC30:** Trong tuần 40, BSC30 **-1.39%**. Các mã diễn biến tích cực: **VGC** (+9.91%), **DCM** (+7.48%), **VRE** (+5.17%).
- **BSC50:** Trong tuần 40, BSC50 **-1.28%**. Các mã diễn biến tích cực: **FRT** (+9.55%), **CTD** (+7.74%), **PTB** (+7.03%).
(Chi tiết danh mục tại trang 12, 13, 14)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại: [Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	85.4	1.10%	0.90	19,546.00	2.80	5,797.00	14.70	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	42.2	1.40%	0.90	8,742.00	1.00	4,025.00	10.50	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	21	0.70%	1.10	5,785.00	7.20	1,727.00	12.10	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	32	0.80%	1.60	4,616.00	3.30	5,059.00	6.30	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	0.60%	1.50	3,875.00	3.60	3,496.00	5.20	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	31	3.50%	1.20	2,389.00	16.60	3,600.00	8.60	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	20.2	2.00%	1.90	3,309.00	2.00	714.00	28.30	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.6	2.80%	1.70	995.00	7.00	4,368.00	7.20	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	47	2.20%	1.70	635.00	4.30	3,969.00	11.80	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	51	1.60%	1.80	936.00	1.70	2,651.00	19.20	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	25	0.20%	2.10	5,941.00	15.60	(328.00)	-76.00	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	46	3.40%	1.00	8,211.00	6.50	10,341.00	4.50	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	27	2.40%	1.10	2,554.00	2.20	1,588.00	17.30	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	29.5	3.90%	1.80	952.00	2.30	1,280.00	23.00	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	32.2	0.20%	1.60	506.00	2.30	1,582.00	20.40	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	95	2.20%	1.70	1,477.00	9.50	10,728.00	8.90	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	38	-1.40%	1.00	610.00	6.20	6,403.00	5.90	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	35.2	1.10%	1.30	763.00	6.60	4,286.00	8.20	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	84.2	0.00%	0.60	7,919.00	1.20	5,567.00	15.10	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35	1.70%	0.80	1,821.00	3.10	2,125.00	16.50	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	36.8	1.10%	1.00	720.00	6.30	1,953.00	18.80	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	25.8	-0.20%	1.00	587.00	2.30	449.00	57.50	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.2	2.80%	0.90	1,074.00	2.40	602.00	18.60	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	74.2	2.10%	0.40	6,350.00	3.70	3,935.00	18.90	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	72.7	-0.10%	1.30	4,260.00	6.90	916.00	79.40	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	48.3	2.80%	1.80	2,893.00	10.30	1,069.00	45.20	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	78	0.30%	0.60	1,048.00	0.60	5,503.00	14.20	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	81.4	0.70%	1.00	611.00	2.70	7,080.00	11.50	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	65	1.10%	0.50	814.00	2.30	7,470.00	8.70	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	92.7	1.20%	0.70	4,821.00	4.40	4,573.00	20.30	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	28.7	2.10%	1.10	5,648.00	3.70	3,664.00	7.80	1.20	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	21.8	0.90%	1.10	3,467.00	2.20	3,722.00	5.90	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	17.1	0.90%	0.80	2,026.00	5.30	2,765.00	6.20	1.30	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	13.8	1.10%	1.30	1,440.00	3.10	1,410.00	9.80	1.40	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	18.7	1.10%	1.30	1,943.00	2.40	3,534.00	5.30	1.40	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	20.9	6.90%	2.00	1,042.00	29.80	467.00	44.80	1.70	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	16.8	1.50%	1.00	1,515.00	3.10	2,697.00	6.20	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	33	4.10%	1.60	2,023.00	35.80	1,090.00	30.20	2.30	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	17.9	-0.60%	1.70	208.00	5.90	318.00	56.30	7.20	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	12.6	1.60%	1.90	-	0.80	445.00	28.30	1.20	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	51.5	4.30%	1.90	209.00	2.00	681.00	75.60	0.60	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	16.8	1.80%	1.60	227.00	8.20	919.00	18.30	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	13	1.60%	2.20	99.00	3.20	482.00	26.50	1.00	3.10%	3.80%
BCM	KCN	69.5	0.90%	0.70	2,946.00	0.50	418.00	166.30	4.10	2.70%	1.70%
HUT	KCN	23	2.20%	1.30	841.00	4.50	56.00	407.10	5.60	2.00%	1.30%
PHR	KCN	48.6	1.90%	1.30	269.00	0.40	6,568.00	7.40	1.90	15.40%	26.90%
SZC	KCN	36.4	2.40%	1.80	179.00	1.70	1,405.00	25.90	2.70	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	18.8	2.20%	2.40	473.00	5.90	(2,105.00)	-8.90	1.10	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	13.9	0.70%	1.60	217.00	0.10	176.00	79.00	1.10	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	19.2	3.00%	2.50	206.00	3.90	(2,655.00)	-7.20	1.00	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	62.4	1.00%	0.90	171.00	1.50	5,309.00	11.80	1.50	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	28.5	2.70%	1.70	89.00	1.50	1,482.00	19.20	1.10	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	13.9	0.70%	1.70	1,110.00	9.30	(295.00)	-47.10	0.70	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	16.7	0.60%	2.70	417.00	11.90	(317.00)	-52.70	0.70	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	31	3.90%	1.10	172.00	2.80	2,190.00	14.20	2.20	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	22.3	2.30%	2.40	557.00	20.00	152.00	146.50	1.80	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	14	0.40%	2.00	145.00	0.40	1,597.00	8.80	1.00	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	19.9	0.00%	1.30	-	8.00	1,596.00	12.50	1.20	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	27.6	3.40%	0.70	366.00	2.90	2,993.00	9.20	1.10	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	33.6	1.50%	1.60	111.00	0.10	1,353.00	24.80	2.10	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	23	1.10%	1.10	112.00	0.10	1,980.00	11.60	1.60	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	62.2	0.30%	0.60	1,041.00	1.00	6,445.00	9.70	1.30	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	20.4	2.80%	1.90	710.00	9.20	384.00	52.90	0.90	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	24.2	0.20%	0.60	285.00	0.20	2,560.00	9.50	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	27.7	2.40%	1.80	347.00	0.90	2,739.00	10.10	1.30	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	30.8	2.80%	1.40	342.00	3.40	944.00	32.70	1.50	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	14.8	2.10%	0.90	207.00	0.40	636.00	23.30	0.90	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	9	1.10%	2.50	197.00	2.60	(79.00)	-114.50	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	69.6	0.10%	0.20	3,656.00	0.90	3,518.00	19.80	3.60	62.30%	18.70%
QNS	F&B	48.3	1.00%	0.50	-	0.50	4,965.00	9.70	2.20	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	97.5	3.30%	1.40	544.00	2.50	(327.00)	-297.90	8.30	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	58	5.50%	2.20	397.00	4.30	2,984.00	19.40	4.40	23.60%	21.90%
DBC	F&B	22	1.80%	2.00	221.00	2.90	551.00	40.50	1.20	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	25.9	3.20%	2.30	113.00	0.30	837.00	31.00	1.40	1.40%	5.70%
BAF	F&B	23.5	0.40%	0.90	138.00	1.80	1,225.00	19.20	2.00	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	38.2	1.90%	1.80	208.00	4.80	2,162.00	17.70	1.90	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	26.5	1.50%	0.30	145.00	0.70	1,370.00	19.30	1.10	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	39.1	3.20%	1.00	169.00	5.30	5,742.00	6.80	1.40	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	78.5	1.80%	1.30	368.00	0.70	4,238.00	18.50	5.50	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	20.8	0.50%	1.60	97.00	1.50	2,353.00	8.80	1.50	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

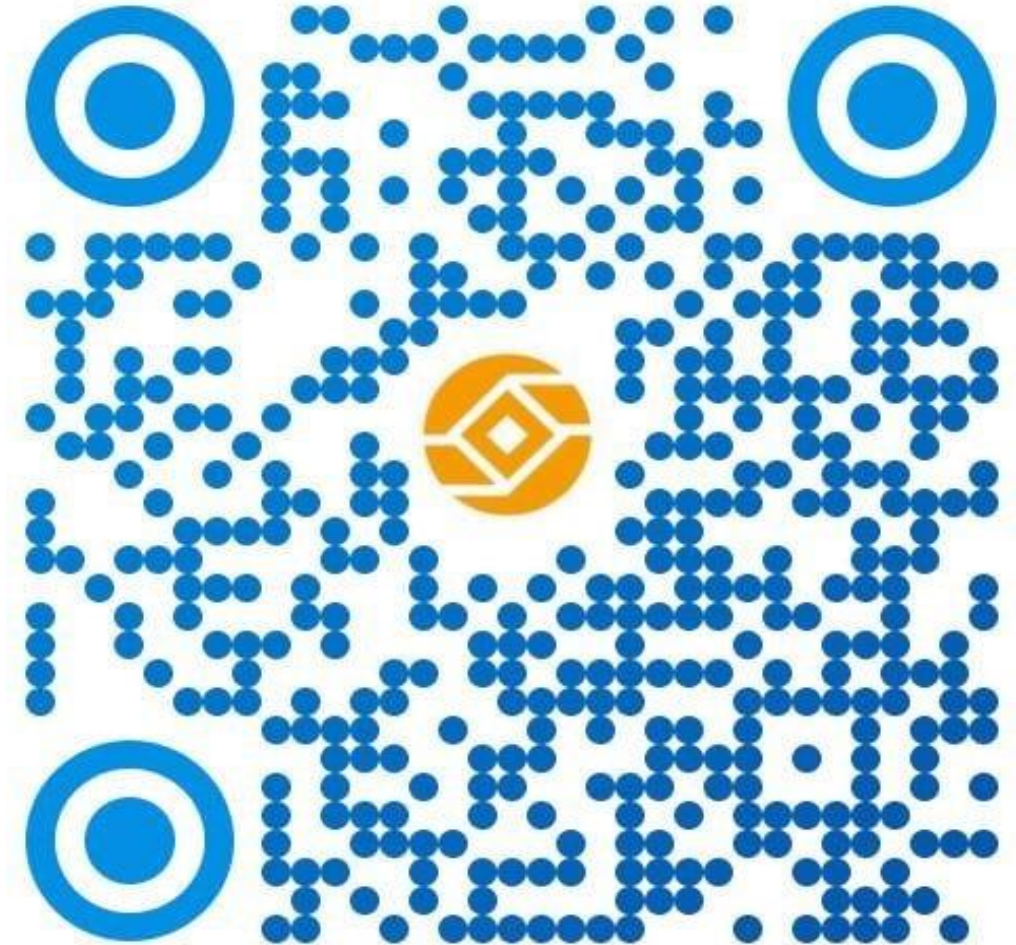
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký